

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ – ĐỀ 1

MÔN: TIẾNG ANH 5



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

A. LISTENING

Listen and tick on the time table.

	Monday	Tuesday	Wednesday	Thursday	Friday
Maths					
IT					
Science					
Art					
Music					
PE					
English					

B. VOCABULARY & GRAMMAR

I. Read and match.

1. What's your address?	a. I always do morning exercise
2. What's the village like?	b. twice a week
3. What do you do in the morning?	c. Last Sunday.
4. How often do you have English?	d. It's small and quiet
5. When did you go to the zoo?	e. It's 51 Tran Hung Dao Street

II. Odd one out

1.

A. Science

B. Art

C. lesson

D. Maths

2.

A. read

B. speak

C. watch

D. hobby

3.

A. brave

B. ghost story

C. fairy tale

D. funny story

4.

A. park

B. circus

C. zoo

D. trunk

5.

A. football match

B. basket ball

C. badminton

D. football

III. Choose the correct answer

1. Where will you be this weekend? – I _____ on the beach.

A. am

B. was

C. will be

D. stay

2. What did you do last night? – I _____ my homework.

A. did

B. do

C. does

D. will do

3. Doraemon and Nobita are main _____ in *Doraemon*.

A. characters

B. sports

C. lessons

D. classmates

4. _____ will you do at Ha Long Bay? – I will take a boat trip around the islands.

A. Where

B. How

C. How often

D. What

5. How _____ lessons do you have on Monday?

A. much

B. about

C. often

D. many

IV. Give the correct form of the verbs in the brackets.

1. What is he doing? – He is _____ (play) the guitar.
2. When did you go to the cinema? – I _____ (go) there last week.
3. I _____ (be) on the beach next month.
4. She _____ (not like) watching football matches on TV.
5. They learn English because they want _____ (speak) to their foreign friends.

V. Read and answer the questions.

Vy likes English very much. At school, she has English four times a week. She often speaks English with her classmates. Sometimes she talks with her foreign friend, Amy. They are happy because they can understand each other. Vy usually reads English comic books in her free time. At home, she practices listening by watching cartoons in English on TV. Vy wants to learn English well because she thinks English will be very necessary for her in the future.

1. How often does Vy have English at school?

_____.

2. Who is Vy's foreign friend?

_____.

3. What does she do in her free time?

_____.

4. How does she practice listening?

_____.

5. Why does Vy want to learn English well?

_____.

-----THE END-----

HƯỚNG DẪN GIẢI

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiahay.com

A. LISTENING

	Monday	Tuesday	Wednesday	Thursday	Friday
Maths	v	v	v	v	
IT	v				
Science		v	v		
Art				v	v
Music				v	v
PE		v			
English			v		

B. VOCABULARY & GRAMMAR**I. Read and match**

1 – e	2 – d	3 – a	4 – b	5 – c
-------	-------	-------	-------	-------

II. Odd one out

1. C	2. D	3. A	4. D	5. A
------	------	------	------	------

III. Choose the correct answer

1. C	2. A	3. A	4. D	5. D
------	------	------	------	------

IV. Give the correct form of the verbs in the brackets.

1. is playing	2. went	3. will be	4. doesn't like	5. to speak
---------------	---------	------------	-----------------	-------------

V. Read and answer the questions.

1. She has English four times a week.
2. Amy is Vy's foreign friend.
3. She usually reads English comic books in her free time.
4. She practices listening by watching cartoons in English on TV.
5. Because she thinks English will be very necessary for her in the future.

LỜI GIẢI CHI TIẾT

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

A. LISTENING**Bài nghe:**

Hello everybody, I'm Nam from Rose Primary School. I go to school 5 days a week, from Monday to Friday. I have lots of subject at school, such as Mathematics, Science, IT, Music and Art. Look at my timetable. I have Maths every day except for Friday. On Monday, I also have IT once a week. I have Science on Tuesday and Wednesday. About Music and Art, well, I have both of them on Thursday and Friday. They are my favourite subjects. I have to learn English and PE, too. I have English on Wednesday and PE on Tuesday.

Tạm dịch:

Xin chào mọi người, tôi là Nam đến từ trường tiểu học Rose. Tôi đi học 5 ngày một tuần, từ thứ Hai đến thứ Sáu. Tôi có rất nhiều môn học ở trường, chẳng hạn như Toán học, Khoa học, Tin học, Âm nhạc và Mỹ thuật. Hãy nhìn vào thời gian biểu của tôi. Tôi có môn Toán mỗi ngày trừ thứ Sáu. Vào thứ Hai, tôi cũng có môn Tin học mỗi tuần một lần. Tôi có môn Khoa học vào thứ Ba và thứ Tư. Về Âm nhạc và Mỹ thuật, tôi có cả hai môn đó vào thứ Năm và thứ Sáu. Đó là những môn học yêu thích của tôi. Tôi cũng phải học tiếng Anh và thể dục nữa. Tôi có tiếng Anh vào Thứ Tư và Thể dục vào Thứ Ba.

B. VOCABULARY & GRAMMAR**I. Read and match. (Đọc và nối)**

1 – e

What's your address? - It's 51 Tran Hung Dao Street.

(Địa chỉ của bạn là gì? – Số 51 đường Trần Hưng Đạo.)

2 – d

What's the village like? - It's small and quiet.

(Ngôi làng như thế nào? – Nó nhỏ và yên tĩnh.)

3 – a

What do you do in the morning? - I always do morning exercise.

(Bạn làm gì vào buổi sáng? – Mình luôn tập thể dục.)

4 – b

How often do you have English? - Twice a week.

(Bạn có môn tiếng Anh thường xuyên như thế nào? – Hai lần mỗi tuần.)

5 – c

When did you go to the zoo? - Last Sunday.

(Bạn đã đến sở thú vào lúc nào thế? – Chủ Nhật tuần trước.)

II. Odd one out (Chọn từ khác)

1. C

A. Science (môn Khoa học)

B. Art (môn Mỹ thuật)

C. lesson (bài học, tiết học)

D. Maths (môn Toán)

Giải thích: Đáp án C là danh từ chỉ tiết học nói chung, các phương án còn lại là những danh từ chỉ những môn học cụ thể.

2. D

A. read (đọc)

B. speak (nói)

C. watch (xem)

D. hobby (sở thích)

Giải thích: Đáp án D là danh từ, các phương án còn lại là các động từ.

3. A

A. brave (dũng cảm)

B. ghost story (truyện ma)

C. fairy tale (truyện cổ tích)

D. funny story (truyện hài)

Giải thích: Đáp án A là tính từ, các phương án còn lại là các danh từ.

4. D

A. park (công viên)

- B. circus (*rap xiếc*)
- C. zoo (*sở thú*)
- D. trunk (*cái vòi voi*)

Giải thích: Đáp án D là danh từ chỉ một bộ phận của con voi, các phương án còn lại là những danh từ chỉ các địa điểm.

5. A

- A. football match (*trận bóng đá*)
- B. basketball (*môn bóng rổ*)
- C. badminton (*môn cầu lông*)
- D. football (*môn bóng đá*)

Giải thích: Đáp án A là danh từ chỉ trận đấu, các phương án còn lại là những danh từ chỉ các môn thể thao.

III. Choose the correct (*Chọn đáp án đúng*)

1. C

Vì câu hỏi đang ở thì tương lai đơn nên câu trả lời của câu hỏi này cũng cần phải ở thì tương lai đơn.

- Cấu trúc câu hỏi với từ để hỏi ở thì tương lai đơn:

WH + will + S + động từ nguyên thể?

- Cấu trúc câu khẳng định ở thì tương lai đơn:

S + will + động từ nguyên thể.

Where will you be this weekend? – I **will be** on the beach.

(Bạn sẽ ở đâu vào cuối tuần này? – Mình sẽ ở bãi biển.)

2. A

Vì câu hỏi đang ở thì quá khứ đơn nên câu trả lời của nó cũng cần phải ở thì quá khứ đơn.

- Cấu trúc câu hỏi với từ để hỏi ở thì quá khứ đơn:

WH + did + S + động từ nguyên thể?

- Cấu trúc câu khẳng định ở thì quá khứ đơn:

S + V quá khứ.

- “Do” là động từ bất quy tắc. Dạng quá khứ của nó là “did”.

What did you do last night? – I **did** my homework.

(Cậu đã làm gì vào tối qua? – Mình đã làm bài tập về nhà.)

3. A

characters (*nhân vật*)

sports (*thể thao*)

lessons (*bài học*)

classmates (*bạn cùng lớp*)

Doraemon and Nobita are main **characters** in *Doraemon*.

(Doraemon và Nobita là những nhân vật chính trong *Doraemon*.)

4. D

Where: ở đâu – hỏi thông tin về địa điểm

How: như thế nào – hỏi về cách thức, tính chất

How often: thường xuyên như thế nào – hỏi về tần suất

What: cái gì – hỏi thông tin về vật, sự kiện, sự việc

What will you do at Ha Long Bay? – I will take a boat trip around the islands.*(Câu sẽ làm gì ở vịnh Hạ Long? – Mình sẽ đi vòng quanh đảo bằng thuyền.)*

5. D

Câu trúc hỏi ai đó có bao nhiêu tiết học vào ngày nào đó trong tuần:

How many lessons do you have on + ngày trong tuần?How **many** lessons do you have on Monday?*(Bạn có bao nhiêu tiết học vào thứ Hai?)***IV. Give the correct form of the verbs in the brackets.***(Ghi dạng đúng của các động từ trong ngoặc)*

1.

- Câu hỏi đang ở thì hiện tại tiếp diễn nên câu trả lời cũng cần phải ở thì hiện tại tiếp diễn.

- Cấu trúc câu khẳng định ở thì hiện tại tiếp diễn:

S + to be + V-ing.What is he doing? – He **is playing** the guitar.*(Anh ấy đang làm gì vậy? – Anh ấy đang chơi đàn ghi-ta.)*

2.

- Câu hỏi đang là thì quá khứ đơn nên câu trả lời cũng cần ở thì quá khứ đơn.

- Cấu trúc câu khẳng định ở thì quá khứ đơn:

S + V quá khứ.

- “Go” là động từ bất quy tắc. Dạng quá khứ của nó là “went”.

When did you go to the cinema? – I **went** there last week.*(Bạn đã đến rạp chiếu phim vào lúc nào vậy? – Mình đã đến đó vào tuần trước.)*

3.

- Câu này có “next month” là dấu hiệu của thì tương lai đơn.

- Cấu trúc câu khẳng định ở thì tương lai đơn:

S + will + động từ nguyên thể.I **will be** on the beach next month. *(Tôi sẽ ở bãi biển vào tháng sau.)***Lưu ý:** dạng nguyên thể của động từ to be chính là “be”.

4.

- Câu này nói về việc ai đó không thích cái gì nên chúng ta dùng thì hiện tại đơn.

- Cấu trúc câu phủ định với động từ thường ở thì hiện tại đơn:

S + don't + doesn't + động từ nguyên thể.

- Chủ ngữ của câu này là “she” (ngôi thứ 3 số ít) trợ động từ đi kèm là “does”.

She **doesn't like** watching football matches on TV.

(Cô ấy không thích xem những trận bóng đá trên TV.)

5.

Want + to V: muốn làm gì

They learn English because they want **to speak** to their foreign friends.

(Họ học tiếng Anh bởi vì họ muốn nói chuyện với những người bạn nước ngoài.)

V. Read and answer the questions.

(Đọc và trả lời câu hỏi)

Vy likes English very much. At school, she has English four times a week. She often speaks English with her classmates. Sometimes she talks with her foreign friend, Amy. They are happy because they can understand each other. Vy usually reads English comic books in her free time. At home, she practices listening by watching cartoons in English on TV. Vy wants to learn English well because she thinks English will be very necessary for her in the future.

Tạm dịch:

Vy rất thích tiếng Anh. Ở trường, bạn ấy có 4 tiết tiếng Anh một tuần. Bạn ấy thường nói tiếng Anh với các bạn cùng lớp của mình. Đôi khi bạn ấy nói chuyện với người bạn nước ngoài của mình là Amy. Họ rất vui vì họ có thể hiểu nhau. Vy thường đọc truyện tranh tiếng Anh vào thời gian rảnh. Ở nhà, bạn ấy luyện nghe bằng cách xem phim hoạt hình bằng tiếng Anh trên TV. Vy muốn học thật tốt tiếng Anh vì bạn ấy nghĩ tiếng Anh sẽ rất cần thiết cho mình trong tương lai.

1. How often does Vy have English at school?

(Vy học môn tiếng Anh thường xuyên như thế nào?)

She has English four times a week.

(Bạn ấy có 4 tiết tiếng Anh mỗi tuần.)

2. Who is Vy's foreign friend?

(Ai là người bạn nước ngoài của Vy?)

Amy is Vy's foreign friend.

(Amy là người bạn nước ngoài của Vy.)

3. What does she do in her free time?

(Bạn ấy làm gì vào thời gian rảnh?)

She usually reads English comic books in her free time.

(Bạn ấy thường đọc truyện tranh vào thời gian rảnh.)

4. How does she practice listening?

(Bạn ấy luyện nghe như thế nào?)

She practices listening by watching cartoons in English on TV.

(Bạn ấy luyện nghe bằng cách xem hoạt hình bằng tiếng Anh trên TV.)

5. Why does Vy want to learn English well?

(Tại sao Vy muốn học tốt tiếng Anh?)

Because she thinks English will be very necessary for her in the future.

(Bởi vì bạn ấy nghĩ tiếng Anh sẽ cần thiết cho bạn ấy trong tương lai.)

Nguồn: *Sưu tầm và biên soạn*